

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2023.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Duy

2. Ông K’Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị A, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. **Bị đơn:** Anh Ngô Phi B, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa: chị A có mặt, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Chị Lê Thị A trình bày:

Chị và anh Bchung sống với nhau vào năm 2021 trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 27 tháng 5 năm 2021 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị sinh sống và làm việc tại tổ dân phố A, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Bthường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm,

cho nhau cơ hội thay đổi nhưng vẫn không thể cải thiện được. Hiện nay vợ chồng chị đã sống ly thân. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể cứu vãn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hùng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Bkhông có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định chị và anh Bkhông có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Phi Btòa án đã Thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bnhưng anh Bvắng mặt và không có lời trình bày gửi Tòa án.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn anh Bkhông có mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị Lê Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Ngô Phi B vắng mặt mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, căn cứ các Điều 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị A về việc xin ly hôn với anh B. Về án phí: chị A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Anh Ngô Phi B đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên cần căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị A và anh Bchung sống với nhau vào năm 2021 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Vợ chồng sinh sống với nhau thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng đã sống ly thân. Tại phiên tòa chị A giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh Bđã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không thể hiện quan điểm, chứng kiến gì. Điều này thể hiện anh Bkhông hề có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay sẽ không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn ly hôn của chị A, xử cho chị A và anh Bđược ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị A xác định không có nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị A xác định không có và anh B cũng không có ý kiến, yêu cầu gì nên không đề cập. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện để được Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác.

[5]. *Về nợ chung*: Chị A xác định không có và anh B cũng không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Lê Thị A, xử cho Chị Lê Thị A và Anh Ngô Phi B được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Chị Lê Thị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010771 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Lê Thị A đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Chị Lê Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (18/4/2023). Anh Ngô Phi B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ – Tòa án.

Lê Trung Kiên